

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:
Bố trí, ổn định dân di cư tự do và dân cư biên giới huyện Sa Thầy**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn
nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn
vốn nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2017 của
Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số nội dung về công tác
quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum;*

*Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa
chọn nhà thầu xây dựng công trình Bố trí, ổn định dân di cư tự do và dân cư
biên giới huyện Sa Thầy;*

*Căn cứ Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Ủy
ban nhân dân huyện Sa Thầy về việc phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường
giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Bố trí, ổn định dân di cư tự do và dân
cư biên giới huyện Sa Thầy;*

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy tại Tờ trình số 249/TTr-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2021 về việc thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Bố trí, ổn định dân di cư tự do và dân cư biên giới huyện Sa Thầy và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3313/TTr-STC ngày 03 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Bố trí, ổn định dân di cư tự do và dân cư biên giới huyện Sa Thầy với các nội dung như sau:

1. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy.
2. Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.
3. Địa điểm xây dựng: Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.
4. Thời gian khởi công, hoàn thành:
 - Theo quyết định đầu tư: Năm 2020 (theo quy định).
 - Thực hiện: Từ ngày 30 tháng 6 năm 2020 đến ngày 20 tháng 4 năm 2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị tính: đồng

| TT | Nguồn vốn | Tổng mức đầu tư được duyệt | Giá trị quyết toán | Thực hiện | |
|----|--|----------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|
| | | | | Số vốn đã thanh toán | Còn được thanh toán |
| | Tổng cộng | 10.998.030.000 | 10.199.391.000 | 10.161.391.000 | 38.000.000 |
| 1 | Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2019 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 0 |
| 2 | Ngân sách huyện Sa Thầy | 998.030.000 | 199.391.000 | 161.391.000 | 38.000.000 |

2. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

| TT | Nội dung | Tổng mức đầu tư | Tổng dự toán | Giá trị quyết toán |
|----|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Tổng số: | 10.998.030.000 | 10.998.030.000 | 10.199.391.000 |
| 1 | Chi phí xây dựng | 8.477.492.000 | 8.477.492.000 | 8.474.140.000 |
| 2 | Bồi thường giải phóng mặt bằng | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 | 739.170.000 |

| TT | Nội dung | Tổng mức đầu tư | Tổng dự toán | Giá trị quyết toán |
|----|--------------------------------|-----------------|--------------|--------------------|
| 3 | Chi phí quản lý dự án | 225.275.000 | 225.275.000 | 225.111.000 |
| 4 | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | 706.008.000 | 706.008.000 | 685.001.000 |
| 5 | Chi phí khác | 113.158.000 | 113.158.000 | 75.969.000 |
| 6 | Chi phí dự phòng | 476.097.000 | 476.097.000 | 0 |

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Thuộc chủ đầu tư quản lý | | Giao cho đơn vị khác | |
|---|--------------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi |
| Tổng số: | 10.199.391.000 | - | - | - |
| 1. Tài sản dài hạn (<i>tài sản cố định</i>) | 10.199.391.000 | | | |
| 2. Tài sản ngắn hạn | - | | | |

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

1. Chủ đầu tư (*Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy*) chịu trách nhiệm:

- Về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

- Về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng và các quy định khác có liên quan.

- Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và hạch toán kế toán theo đúng quy định của pháp luật có liên quan; lưu trữ hồ sơ dự án, cung cấp kịp thời hồ sơ dự án cho cơ quan thanh tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

- Kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy có trách nhiệm hoàn thành giải quyết công nợ, tất toán

tài khoản của dự án đảm bảo đúng thời gian quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020.

- Được phép tất toán nguồn vốn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nguồn vốn | Số tiền | Ghi chú |
|-----|--|-----------------------|--|
| | Tổng cộng | 10.199.391.000 | |
| 1 | Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2019 | 10.000.000.000 | Tất toán sau khi hoàn thành thanh toán công nợ dự án |
| 2 | Ngân sách huyện Sa Thầy | 199.391.000 | |

- Các khoản phải thu, phải trả đến ngày 11 tháng 8 năm 2021:

+ Khoản phải thu: 0 đồng.

+ Khoản phải trả: 38.000.000 đồng về chi phí quyết toán của Sở Tài chính (Cơ quan chủ trì thẩm tra phê duyệt quyết toán).

- Nguồn vốn thanh toán nợ phải trả: Nguồn ngân sách của huyện Sa Thầy (theo Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

- Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

| Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn/cố định | Tài sản ngắn hạn |
|-------------------------------|-------------------------|------------------|
| Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy | 10.199.391.000 | |

- Có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả và thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

- Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra và hồ sơ trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Hướng dẫn cho chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành và giải quyết công nợ, tất toán tài khoản của dự án.

4. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh:

- Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận vốn đầu tư đã thanh toán đảm bảo đúng quy định của Nhà nước.

- Đơn đốc chủ đầu tư thanh toán các khoản phải trả theo quyết định phê duyệt quyết toán và tất toán tài khoản của dự án đã phê duyệt quyết toán theo quy định.

Điều 4. Giám đốc: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (PCVP_{KTTT});
- Lưu: VT, HTKT.TQT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm